



KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM 2020
Môn thi: Ngữ văn (Dành cho mọi thí sinh)
Thời gian làm bài: **120 phút**, không kể thời gian giao đề
(Đề thi này có 01 trang)

Phần I - Đọc hiểu (2,0 điểm)

Đọc đoạn ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới:

“Các em học sinh thân mến, có lẽ các em sẽ ngạc nhiên khi hôm nay thầy sẽ nói với các em về căn bệnh mà ít nhiều chúng ta sẽ mắc phải. Căn bệnh này tuy không làm chết người ngay lập tức nhưng nguy hiểm lắm, nếu nhiều người không quyết tâm chạy chữa thì họ có thể trở thành những người vô dụng. Nguy hiểm hơn nữa nếu xã hội có nhiều người mắc bệnh này thì sẽ trở nên nghèo nàn lạc hậu, không bao giờ tiến bộ được. Căn bệnh này làm cho con bệnh dần dần trở thành người có nhân cách thấp kém, sống theo lối bầy đàn và không giúp ích gì cho xã hội.

Đó là thầy đang muốn nói về căn bệnh lười, một căn bệnh có nguy cơ lan rộng một cách nhanh chóng. Bệnh này có những biểu hiện và triệu chứng như sau: lười học, lười nghe giảng, lười làm bài tập, lười suy nghĩ, lười phản biện, lười đặt câu hỏi...”

(Trích **Diễn văn khai giảng năm học 2017 – 2018** của thầy Văn Như Cương
- nguyên Hiệu trưởng Trường THPT Lương Thế Vinh)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.

Câu 2. Tìm phép liên kết trong các câu sau: Đó là thầy đang muốn nói về căn bệnh lười, một căn bệnh có nguy cơ lan rộng một cách nhanh chóng. Bệnh này có những biểu hiện và triệu chứng như sau: lười học, lười nghe giảng, lười làm bài tập, lười suy nghĩ, lười phản biện, lười đặt câu hỏi.

Câu 3. Tóm tắt nội dung đoạn trích bằng một câu văn.

Câu 4. Thông điệp nào từ đoạn trích có ý nghĩa nhất với em?

Phần II - Làm văn (8,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn khoảng 12 đến 15 câu trình bày suy nghĩ về hậu quả của hiện tượng **lười phản biện** của một số người trẻ hiện nay. Đoạn văn có sử dụng một thành phần biệt lập (chỉ rõ thành phần biệt lập đã sử dụng).

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích sau:

Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn:
Làn thu thủy nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một tài đành họa hai.
Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.
Cung thương lầu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương,
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.

(Trích **Truyện Kiều**, Nguyễn Du, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2016, tr81)

..... Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM THI TUYỂN SINH
LỚP 10 THPT NĂM 2020
Môn thi: Ngữ văn (Dành cho mọi thí sinh)

(Hướng dẫn này có 03 trang)

ĐỀ SỐ 1

Phần	Câu	Sơ lược lời giải	Điểm
I (2,0 điểm)	1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0,25
	2	Phép liên kết: phép thế “ <i>Bệnh này</i> ” thế cho <i>căn bệnh lười</i> .	0,25
	3	Tác hại nguy hiểm và những biểu hiện của căn bệnh lười.	0,5
	4	HS dựa vào đoạn trích lựa chọn một thông điệp tác giả gửi gắm có ý nghĩa nhất đối với mình, cần lí giải được vì sao bản thân lại cho rằng thông điệp ấy có ý nghĩa đối với mình. Dưới đây là một vài gợi ý: - Vì đây là căn bệnh dễ mắc phải, có nguy cơ ngày càng lan rộng một cách nhanh chóng. - Căn bệnh này làm cho ta không có ý chí phấn đấu, ngại gian khó, dễ buông xuôi, phó mặc, từ đó làm nhân cách của ta đi xuống, kéo theo xã hội lạc hậu, chậm tiến bộ.	1,0
II (8,0 điểm)	Câu 1 (3,0 điểm)	1. Yêu cầu về kĩ năng a. Thí sinh viết đúng hình thức của một đoạn văn nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng đạo lý; lí lẽ và dẫn chứng phù hợp; diễn đạt lưu loát, mạch lạc ; đoạn văn đảm bảo dung lượng từ 12 đến 15 câu ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. <i>Nếu thí sinh viết nhiều đoạn văn thì chỉ chấm đoạn văn đầu tiên.</i>	
		b. Đoạn văn có sử dụng một thành phần biệt lập.	0,5
		2. Yêu cầu về kiến thức : Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được các nội dung cơ bản sau :	
		a. Nêu vấn đề nghị luận : Hiện tượng lười phản biện của một số người trẻ hiện nay thực sự là mối lo âu, gây ra nhiều hậu quả đáng tiếc.	0,25
		b. Giải thích: Lười phản biện là ngại suy nghĩ để đưa ra ý kiến, quan điểm riêng của bản thân mình.	0,25
		c. Bàn luận - Lười phản biện khiến mỗi người trẻ hiểu về vấn đề không đầy đủ, toàn diện, đúng đắn, sâu sắc. - Người lười phản biện sẽ hình thành thói quen dựa dẫm, chờ đợi, ỷ lại, phụ thuộc, chỉ biết nghe theo, làm theo. - Hiện tượng lười phản biện khiến người trẻ khó hình thành chính kiến, sự độc lập, sâu sắc, bản lĩnh, quyết đoán, năng động để đứng vững, sáng tạo và thành công trong cuộc sống. - Hiện tượng này còn dẫn đến sự trì trệ, lạc hậu của xã hội và đất nước. <i>(Dẫn chứng: Học sinh tiếp nhận truyền thụ một chiều từ giáo viên, không tư duy phản biện, không tranh luận, thảo luận, thói quen học thụ động, chờ đợi, ỷ lại...)</i>	1,0
		* Mở rộng: - Phân biệt phản biện với phán xét dựa trên góc nhìn chủ quan từ cái tôi	0,5



	cá nhân. - Phê phán những người thiếu chính kiến, lười phản biện.	
	d. Bài học nhận thức và hành động: Ý thức được hậu quả của hiện tượng lười phản biện, mỗi người trẻ cần hình thành, rèn luyện cho mình tư duy và khả năng phản biện để phát triển bản thân và góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.	0,5
Câu 2 (5,0 điểm)	1. Yêu cầu về kĩ năng Biết cách làm bài nghị luận văn học; sử dụng tốt thao tác giải thích, chứng minh, phân tích nhân vật văn học; kết cấu chặt chẽ; bố cục đầy đủ; luận điểm rõ ràng, lí lẽ, dẫn chứng hợp lí; diễn đạt lưu loát, mạch lạc, có cảm xúc; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu.	
	2. Yêu cầu về kiến thức Trên cơ sở những hiểu biết về tác giả Nguyễn Du và văn bản <i>Chị em Thúy Kiều</i>, thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được các ý cơ bản sau:	
	2.1. Mở bài - Giới thiệu chung về Nguyễn Du, <i>Truyện Kiều</i>. - Nêu vấn đề nghị luận: ca ngợi vẻ đẹp và tài năng của nhân vật Thúy Kiều qua văn bản <i>Chị em Thúy Kiều</i>.	0,5
	2.2. Thân bài	
	a. Khái quát - Đoạn trích nằm ở phần thứ nhất của “<i>Truyện Kiều</i>” (gặp gỡ và đính ước), sau đoạn tả chân dung Thúy Vân. - Nhân vật Thúy Kiều được miêu tả theo nghệ thuật đòn bẩy, chỉ vài nét chấm phá nhưng để lại ấn tượng vượt trội so với Vân; bút pháp ước lệ, tượng trưng truyền thống nhưng có những sáng tạo vượt khuôn mẫu cổ điển tạo nên bức chân dung riêng.	0,5
	b. Phân tích, chứng minh b1. Ngoại hình - Sử dụng nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, ước lệ qua cách nhân hóa hình tượng thiên nhiên để khắc họa từ ngoại hình đến cốt cách nhân vật: đôi mắt như làn nước mùa thu xanh biếc, thăm thẳm và phẳng lặng; nét mày thanh tú, xinh tươi như dáng núi mùa xuân đã toát lên vẻ tươi trẻ, rực rỡ. - Sử dụng hình tượng thiên nhiên có vẻ đẹp trong trắng, rực rỡ như mây, tuyết, trăng, hoa, <i>thu thủy, xuân sơn</i>,... để cực tả, tuyệt đối hóa, lí tưởng hóa vẻ đẹp mười phần vẹn mười. - Thành ngữ <i>nghiêng nước nghiêng thành</i> sử dụng khéo léo nhằm ngợi ca nhan sắc sánh ngang với những đại mỹ nhân trong lịch sử.	1,0
	b.2. Tài năng, số phận - Các hư từ <i>càng - lại là, đành - đành</i> khiến giọng thơ như lời tự sự, tâm tình đồng thời tuyệt đối hóa vẻ đẹp và tài năng của giai nhân. - Trí tuệ thông minh; tài năng sắc sảo, toàn diện. Tài của nàng được giới thiệu lần lượt theo lối liệt kê: <i>thi</i> - tài thơ, <i>họa</i> - tài vẽ, <i>cầm</i> - tài đàn. Bên cạnh ngôn ngữ bác học trang trọng, Nguyễn Du dùng nhiều từ	1,5



	thuần Việt giản dị chỉ mức độ <i>vốn sẵn, đủ mùi, lâu, ăn đứt</i>,... làm cho tài nào cũng đầy đủ và trọn vẹn, lí tưởng. Tài nào cũng tuyệt đỉnh, trở thành <i>nghề riêng</i>, vượt lên trên mọi người . - Tâm hồn phong phú; trái tim giàu trắc ẩn. Có 4 câu thơ để giới thiệu về tài năng âm nhạc của Thúy Kiều: am hiểu nhạc luật – <i>làu bậc ngũ âm</i>, sở trường về hồ cầm – <i>Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương</i>, tự sáng tác bản nhạc riêng cho mình – “Bạc mệnh”, một bài đàn ai oán có sức lay động lòng người, ai nghe cũng buồn thảm, náo nề. - Tính cách, số phận: bằng bút pháp dự báo thể hiện vẻ đẹp tuyệt đối hội tụ ở Kiều khiến cho tạo hóa phải ghen ghét, đố kị, dự cảm về một số phận éo le, bể dâu, trắc trở, bất hạnh, trầm luân, khổ ải. => Nhân vật được khắc họa bằng những chi tiết chọn lọc, ngôn ngữ điêu luyện, bút pháp ước lệ cổ điển; người đọc không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp ngoại hình mà còn thấy rõ tính cách, số phận của Thúy Kiều.	
	b.3. Về nghệ thuật - Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc được sử dụng sáng tạo. - Ngôn ngữ thơ: hàm súc, trang nhã, tinh tế; không chỉ có chức năng biểu đạt, biểu cảm mà còn có chức năng thẩm mỹ thể hiện vẻ đẹp của ngôn từ. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc: khắc họa nhân vật qua tự sự, miêu tả với bút pháp tượng trưng ước lệ, phong cách bác học.	0,5
	c. Đánh giá, liên hệ mở rộng - Ngợi ca, tôn vinh vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, đoạn thơ đã góp phần biểu đạt sâu sắc nội dung tư tưởng và cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du. - Tôn trọng truyền thống nghệ thuật trung đại nhưng Nguyễn Du cũng in dấu ấn cá nhân trong việc khắc họa chân dung các nhân vật. Nghệ thuật miêu tả chân dung đạt đến độ <i>kì tài diệu bút</i>.	0,5
	2.3. Kết bài - Khẳng định tài năng nghệ thuật miêu tả nhân vật chính diện của Nguyễn Du. - Liên hệ bản thân.	0,5
	Cộng	10,0

Lưu ý:

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh đếm ý cho điểm. Chỉ cho điểm tối đa mỗi phần khi bài viết đảm bảo cả yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.

- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

- Việc chi tiết hóa điểm số của các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng số điểm của mỗi ý và được thống nhất. Điểm từng phần và cả bài thi không làm tròn.

..... Hết